

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
(QUÝ 2)

Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Mỹ Hòa Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.641.218.270	5.704.744.759	45,13	
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.641.218.270	5.704.744.759	45,13	
1	Chi quản lý hành chính	2.203.133.270	821.372.559	37,28	
	341 - Quản lý nhà nước	2.203.133.270	821.372.559	37,28	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	1.475.000.000	273.639.289	18,55	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	728.133.270	547.733.270	75,22	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				



2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>					
	- <i>Nhiệm vụ chuyên đổi số</i>					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo					
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
4	Chi sự nghiệp y tế (133)					
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	15.163.000	12.004.200		79,17	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
5	Chi bảo đảm xã hội					
	398 - Chi bảo đảm xã hội	15.163.000	12.004.200		79,17	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.689.922.000	4.641.482.000		47,90	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.206.000.000	4.481.730.000		48,68	
	371 - Chi bảo đảm xã hội	9.206.000.000	4.481.730.000		48,68	
5.3	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	483.922.000	159.752.000		33,01	
5.4	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
6	Chi hoạt động kinh tế	483.922.000	159.752.000		33,01	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
11	Chi khác ngân sách (428)					
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	733.000.000	229.886.000		31,36	
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
II	Nguồn vốn viện trợ	733.000.000	229.886.000		31,36	
1	Chi quản lý hành chính					
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					

4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

CỘNG HÒA X. H. VI. ET

PHÒNG VĂN HÓA-X. H. H.

X. M. Y. H. A. H. U. N. G

V. ẽ

Thị Thùy Linh





THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ 2 NĂM 2026

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Phòng Văn hóa – Xã hội xã Mỹ Hòa Hưng công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 2 năm 2026 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí:

1. Dự toán thu của Phòng Văn hóa – Xã hội được giao thực hiện năm 2026: 0 đồng.
2. Dự toán thu phí, lệ phí của Phòng Văn hóa – Xã hội ước thực hiện đến hết quý 2 năm 2026: 0 đồng.
3. Ước thực hiện quý 3 năm 2026: 0 đồng.

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

1. Tổng dự toán chi nguồn NSNN năm 2026 là 12.641.218.270 đồng bao gồm:

- Chi quản lý hành chính: 2.203.133.270 đồng.
- Chi sự nghiệp y tế: 15.163.000 đồng.
- Chi bảo đảm xã hội: 9.689.922.000 đồng.
- Chi khác ngân sách: 733.000.000 đồng.

2. Tổng giải ngân quý 2 năm 2026 là 5.704.744.759 đồng đạt 45,13% dự toán năm, bao gồm:

- Chi quản lý hành chính: 821.372.559 đồng.
- Chi sự nghiệp y tế: 12.004.200 đồng.
- Chi bảo đảm xã hội: 4.641.482.000 đồng.
- Chi khác ngân sách: 229.886.000 đồng.

3. Lũy kế giải ngân đến hết quý 2 năm 2026 là 8.894.357.127 đồng đạt 70,36% dự toán năm, bao gồm:

- Chi quản lý hành chính: 1.255.746.927 đồng.
- Chi sự nghiệp y tế: 12.004.200 đồng.
- Chi bảo đảm xã hội: 7.374.958.000 đồng.
- Chi khác ngân sách: 251.648.000 đồng.

